

# HỢP TUYỂN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 29 & 30

Năm XI (2001)

**CHỦ ĐỀ:**

## ***KITÔ HỌC [III]***

- Kitô học: Hành trình trắc trở**  
*Canxêdon - Cônxtantinốp*
- Đức Giêsu chịu chết**  
*Biến cố lịch sử - Ý nghĩa*
- Công trình Đức Giêsu**  
*Cứu độ học - Vai trò Đức Kitô*
- Đấng Cứu Độ duy nhất**  
*Vấn đề - Quan điểm*
- Emmanuel**  
*Thế cách hiện diện*



# HỢP TUYỂN THẦN HỌC

**Tập phổ biến Thần học, phát hành không định kỳ**

**Chủ biên:** M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

**Phụ biên:** F. Gómez Ngô Minh, S.J.

**Nhóm hợp tác:** Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hoài (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyến (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lãng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn Tân, OFM (Hoa Kỳ); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thụ, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thụ (Vatican); Bùi Hữu Thư (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); Vũ Đình Tường, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Minh Ước, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vượng (Phi Luật Tân).

Tòa soạn: 42 rue de Grenelle – 75343 Paris Cedex 07 – France

☎: (01) 44 39 46 57 – fax: (01) 44 39 46 93

e-mail: [mimisj@compuserve.com](mailto:mimisj@compuserve.com)

Ấn hành: 3925 Tambor Road – San Diego, CA 92124 – USA

☎: (858) 571 7839

Tổng quản: *Vietnamese Theological Association*

1609 Lozano Drive – Vienna, VA 22182 – USA

☎: (703) 281 7929



**Số 29&30 Năm XI (2001)**

## CHƯƠNG XI

### EMMANUEN

Không chỉ giúp cho hiểu biết về Đức Kitô, Kitô học còn ảnh hưởng lớn đến toàn bộ cuộc sống, mang lại lẽ sống chính thực cho những ai quyết tâm theo Ngài. Đức Giêsu không phải là một nhân vật lịch sử chỉ có mặt ở trong sách vở, Ngài còn và nhất là một con người cụ thể, sống động “hôm qua, hôm nay và mãi mãi” (Dt 13:8). Ngài đã “cắm trại” ở giữa chúng ta (x. Ga 1:14), đã trở nên công dân của thế giới và hằng đồng hành với mọi người. Muốn nhận ra Ngài, thì cần phải mở rộng cặp mắt đức tin mà nhìn thực tại qua ánh sáng của Thần Khí. Có thể nói chương cuối này là phần quan trọng nhất của Kitô học.

### LỜI HỨA VÀ KINH NGHIỆM

Nói về Thiên Chúa, Phaolô đã nhắc lại điều mà xưa nay những người sống lòng tin hằng xác tín: “Thực sự Thiên Chúa không ở xa mỗi người chúng ta; quả vậy, chính ở nơi Người mà chúng ta sống, cử động và hiện hữu” (Cv 17:27-28). Sau khi Thiên Chúa nhập thể, trở thành người, sự hiện diện này càng sống động và gần gũi hơn nữa. Tên gọi tiêu biểu của Ngôi Lời nhập thể là *Emmanuel*, “Thiên-Chúa-ở-với-chúng-ta” (Mt 1:23). Biến cố lên trời gây ấn tượng làm như Ngài rời đi xa, vắng bóng, nhưng chính Ngài đã nói trước là Ngài đi như thế thì tốt hơn cho các các môn đồ (x. Ga 16:7), và hứa với họ rằng: “Thầy sẽ không để anh em

mồ côi” (Ga 14:18); rồi trong ngày cuối cuộc đời dương thế, Ngài đã long trọng nhắc lại lời hứa ấy: “Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20). Ngài sai các tông đồ đi rao giảng Tin mừng cho muôn dân, nhưng thật ra sứ mệnh ấy là của Ngài; vì thế, Máccô lưu ý cho hiểu thêm rằng các tông đồ đã ra đi rao giảng khắp nơi và “có Chúa cùng hoạt động với các ông...” (Mc 16:20). Đó là kinh nghiệm 20 thế kỷ của Giáo hội.

Ngay khi còn là kẻ thù, Phaolô cũng đã có được cảm nghiệm về Đức Kitô đang sống: “Tại sao người bắt bớ *Ta*” (Cv 9:4). Sau đó, vị tông đồ đã hoàn toàn dấn thân cho sứ mệnh của Đức Kitô và chọn Ngài làm lẽ sống đời mình, đến độ cảm nghiệm như là được đồng nhất hóa với Ngài, như là Đức Kitô đang sống ở trong mình (x. Gl 2:20). Kinh nghiệm thần cảm ấy cũng là kinh nghiệm rất nhiều kitô hữu đã sống qua suốt dòng lịch sử Giáo hội. Một loại kinh nghiệm khác, đó là kitô hữu cảm nghiệm được sống một cuộc sống mới, một thân phận mới *cùng với* Đức Kitô: cùng sống, cùng chết như đã thành một với Ngài; hoặc để diễn tả bằng một ẩn dụ khác: “mặc lấy Đức Kitô” như là một căn tính mới (kinh nghiệm Rửa tội: x. Rm 6:1tt; Gl 3:27), một thứ “căn tính chung” kitô hữu chia sẻ với nhau như anh chị em *trong* Chúa Kitô (x. Gl 3:26tt).<sup>1</sup> Vì thế, thánh Phêrô định nghĩa kitô hữu là “những người đang sống *trong* Đức Kitô” (1Pr 5:14).

1 Xin xem Dupont, J., ‘Sun Christo’. *L’union avec le Christ suivant saint Paul*, Bruges 1952; Lash, N. *His Presence in the World*, London 1968; Guillet, J., *Jésus dans notre monde*, Desclée de Br. 1996.



## NHỮNG THỂ CÁCH HIỆN DIỆN

Vì phức tạp, bao hàm nhiều yếu tố khác nhau cả khách quan lẫn chủ quan, ý niệm *hiện diện* chưa được hiểu cho rõ lắm. Triết lý chưa nghiên cứu nhiều về khái niệm này. Thần học thì đã suy tư về khái niệm “toàn tại” (*omnipraesentia*) của Thiên Chúa, tức là Người hiện diện ở khắp nơi, hoặc về sự “hiện diện thực sự” của Đức Kitô trong Thánh thể. Tuy thế, ít khi Kitô học chú ý thực sự đến khái niệm ấy,<sup>2</sup> bởi thường cho là thuộc phạm vi của tu đức và thần nghiệm.

*Hiện diện* là ý niệm “tương quan” hàm ý “hướng đến,” hoặc “đối với” ai hoặc điều gì: tôi hiện diện trước mặt ai, khi cái gì xảy đến, ở một nơi nào đó, v.v. Nói “hiện diện” là nói về chủ vị: duy chỉ hữu thể có lý trí mới có thể thật sự hiện diện, tức là ý thức về việc mình hiện diện một mình hoặc là hiện diện với ai khác; sự hiện diện mang tính chất nhân linh. Quả vậy, một nhân vị chỉ thành tựu trong tương quan đối tác với một nhân vị khác; vì thế, triết học nêu lên hai chiều kích của nhân vị: cùng hiện diện và khác biệt. Nếu không khác biệt thì không có hiệp thông, bởi tất cả sẽ đều tan hòa thành một hỗn hợp. Càng tự do thì hiện diện càng mạnh mẽ, và càng mến yêu phía đối tác thì sự hiện diện càng sâu đậm. Chung sống với nhau làm cho hai phía đối tác [chủ vị] nên phong phú hơn, và đó là điều kiện để có thể có hạnh phúc: hạnh phúc và cô đơn thì nhất thiết mâu thuẫn nhau.

2 Nhấn mạnh đến khía cạnh này thì có: Hodgson, P. C., *Jesus: Word and Presence*, Philadelphia: Fortress 1971; Thompson W. M., *Christology and Spirituality*, NY Crossroad 1991; Battaglia, V., *Cristologia e contemplazione*, Bologna 1997.

Để bước vào tình trạng hiện diện đối với người khác thì phải nhờ đến trung gian của lời nói, cử chỉ, biến cố, v.v. Con người không thể hiện diện trực tiếp với người khác, và chỉ có thể hiện diện một phần nào thôi: có thể hiện diện hơn hoặc kém, và có nhiều loại hiện diện, bởi hiện diện là một ý niệm loại suy. Một chủ vị có thể hiện diện đối với người khác theo nhiều cách thể: cách chung cách riêng, như tình nhân hay như kẻ thù, v.v. Kinh nghiệm đầu tiên về sự hiện diện là kinh nghiệm về người mẹ sinh ra ta; vì thế, bao giờ sự hiện diện nhân vị cũng mang chiều kích “nữ tính,” tức là hơi thụ động, đa tình, và có khả năng tạo cơ hội cho lớn lên.

### **ĐỨC KITÔ HIỆN DIỆN**

Tự bản tính, Thiên Chúa là ba chủ vị hiện diện đối với lẫn nhau. Ngôi Con, Lời, hiện diện đối với Cha theo tư thế là chủ vị “được sinh ra,” và đối với Thánh Thần theo tư thế là chủ vị “cùng chủ xuy” (*co-spirator*). Đức Kitô hằng hiện diện đối với Cha, như Kinh Thánh muốn ám chỉ khi gọi lên kinh nghiệm *Abba!* của Ngài. Ngài luôn luôn cảm thấy mình với Thiên Chúa như con và cha đối diện với nhau vậy. Ngài “biết” Chúa Cha một cách đặc thù khôn sánh; “biết” ở đây là: “quen,” “yêu,” “ở với,” v.v.; nhưng, là gì trong chính bản thân mình, thì Đức Giêsu chia sẻ điều ấy cho các anh em; vì thế, Ngài mạc khải Cha cho loài người chúng ta (x. Mt 11:27tt). Qua mạc khải, Thiên Chúa ở với chúng ta, như chủ vị nói lên (Cha) Lời (Con) và truyền thông ý nghĩa (Thần Khí). Xướng lên: “Đó là lời Chúa” lúc đọc Kinh Thánh, là Giáo hội muốn nhắc cho nhớ là Thiên Chúa đang ở

giữa chúng ta. Vì vậy, sách *Didakhê* viết: “Nơi nào vương quyền của Thiên Chúa được loan báo thì Chúa [Kitô] hiện diện ở đó.”<sup>3</sup>

Các giáo phụ quan niệm Đức Kitô như là *Lógos* hoặc Khôn ngoan tạo hóa, và coi tạo vật là “tiếng dội” của Lời. Ngôi Lời ở mọi nơi, với tất cả những ai muốn tìm biết, trong hết thảy những ai được cứu rỗi. Và vì đã nhập thể, đã mặc lấy phận mệnh loài người, nên Ngôi Lời hằng ở với tất cả những ai cần được cứu rỗi, gõ cửa hết mọi con tim và soi sáng hết mọi tâm trí đang tìm kiếm chân lý. Với sự hiện hữu *mới* trong thể cách hậu phục sinh, Đức Kitô có thể hiện diện nơi tất cả những ai đã được Ngài cứu chuộc. Thánh Gioan viết Đức Kitô là sự sống (và là sự thật: Ga 14:6), và nêu rõ mục đích của sứ mệnh Đức Kitô là “để cho họ (tức mọi người) có sự sống đời đời” (Ga 10:10); nhưng sự sống này lại đi đôi với chân lý: “sự sống soi sáng cho mọi người” (Ga 1:4). Thế nên, tất cả những ai ra sức đi tìm chân lý và sự công chính, thì đều được Ngôi Lời hướng đạo, chính vì Ngài cũng là “con đường” dẫn tới tiêu đích ấy; thật vậy, mỗi một chân lý là một thể cách hiện thân ‘tối vi mô’ của Ngôi Lời, Khôn Ngoan của Thiên Chúa.

### MỘT SỐ THỂ CÁCH HIỆN DIỆN

Là không đúng việc hiểu sự hiện diện của Đức Kitô như chỉ là một kỷ niệm, theo kiểu một tình nhân “sống” trong lòng nhớ thương của người tình, như thầy “sống” trong niềm ngưỡng mộ của các đồ đệ, hoặc như tổ quốc ghi nhớ các anh hùng liệt sĩ, v.v. Cũng không giống như một triết gia, một nghệ sĩ, hoặc một vị sáng lập, v.v. vẫn “sống” còn trong hệ thống tư tưởng, trong

<sup>3</sup> *Didakhê* 4. 1; xin xem Torrance, A. J., *Persons in Communion. Trinitarian Description and Human Participation*, Edinburgh 1996.



các kiệt tác, trong các công trình hoặc tổ chức này nọ... đã để lại. Bởi Đức Kitô không chỉ đơn thuần hiện diện bằng một sự hiện diện tâm lý, song là bằng một sự hiện diện hữu thể siêu nhiên.

### A. TRONG THẦN KHÍ

Là Thiên Chúa, Thần Khí ở khắp mọi nơi. Ở đây, không bàn về thể cách Thần Khí hiện diện, mà chỉ nói về việc Thần Khí đã được sai đến để thực hiện và hoàn tất sứ mệnh của Đức Kitô, trong tư cách là “Đấng Bảo trợ khác” (Ga 14:16), tức *alter ego* của Đức Kitô, Đấng Bảo trợ thứ nhất (x. 2Ga 2:1). Đức Kitô sai Thần Khí đến với các tông đồ để các vị có đủ khả năng thực thi sứ mệnh trao phó (x. Lc 24:48-9; Cv 1:8-9), vì, tự bản tính, Thần Khí cũng là chứng tá của Đức Kitô (x. Ga 15:26). Vì vậy, nơi nào có một con người làm chứng cho Ngài, thì Đức Kitô ở đó với người ấy nhờ năng lực của Thần Khí; thế là ứng nghiệm lời Chúa phán: “Ai nghe anh em là nghe Thầy” (Lc 10:46tt). Và điều ấy bắt đầu với đức tin: “Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Kitô ngự trong tâm hồn” (Ep 3:17).

Chúa phục sinh sống nhờ Thần Khí (x. 1Pr 3:18), và Ngài chia sẻ sự sống ấy cho các chi thể Ngài. Đời sống thiêng liêng siêu nhiên là do Thần Khí của Đức Kitô mang lại; nhân tố chủ yếu của đời sống đó chính là sự hiện diện của Đức Kitô trong tâm hồn, như Phaolô nói ở trong Rm 8:9-11, hoặc ở trong Cl 3:3-4: “Thật vậy, anh em đã chết, và sự sống mới của anh em hiện đang tiềm tàng với Đức Kitô nơi Thiên Chúa; khi Đức Kitô, nguồn sống của chúng ta, xuất hiện, anh em sẽ được xuất hiện với Ngài.” Đó có thể là đối tượng của kinh nghiệm thần cảm, hoặc



là điều cảm nhận cách êm đềm qua đức tin, nhờ ơn an ủi thiêng liêng chẳng hạn.

Thần Khí đang sống trong thân mình Đức Kitô là Giáo hội, vì nhờ phép Thánh tẩy chúng ta được đầy Thần Khí và trở thành một thân thể duy nhất (x. 1Cr 12:12-3). Như vậy, Giáo hội vừa là thân thể của Đức Kitô vừa là đền thờ của Thánh Thần. Không chỉ ở với các môn đồ, Đức Kitô còn ở trong họ nữa, như Ngài đã tỏ cho Saun biết (x. Cv 9:5), và sau này Phaolô đã cảm nghiệm rõ điều đó (x. Gl 2:20; Ep 3:17). Từ đó, Phaolô hiểu rằng mỗi kitô hữu là một đền thờ của Thần Khí, của Thiên Chúa (x. 1Cr 3:16.17; 6:19; 2Cr 6:16), nghĩa là nơi cư ngụ của Ba Ngôi, đúng như Đức Giêsu đã hứa: “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy; Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy” (Ga 14:23).<sup>4</sup> Không chỉ làm cho Đức Kitô cư ngụ trong ta, Thần Khí còn biến chúng ta thành con cái của Chúa Cha (x. Gl 4:6), và như thế, hiện diện trong ta là Đức Kitô hiện diện theo tư thế trưởng tử ở giữa đàn em (x. Rm 8:29). Phaolô dùng một ẩn dụ để nói rằng chúng ta “đã mặc lấy Đức Kitô” (Gl 3:27), tức mặc lấy con người và phong cách của Ngài, làm cho người kitô có “bộ dạng” giống Đức Giêsu; nhờ vậy, xã hội có thể nhận ra được...

## B. TRONG GIÁO HỘI

Sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* có đoạn viết: “Đức Kitô giúp chúng ta sống như Ngài đã sống: Ngài sống trong chúng ta và chúng ta sống trong Ngài. ‘Khi khập thể, một cách nào đó, Con Thiên Chúa đã kết hợp với mọi người.’ Chúng ta được kêu gọi trở nên một với Ngài; những gì Ngài đã sống trong thân xác

<sup>4</sup> Xin xem Moretti, R., “Inhabitation” trong *Dict.Spir.* VII, 1971, 1735-1757.

Ngài vì chúng ta và nên mẫu mực cho chúng ta, thì Ngài cũng cho chúng ta được hiệp thông, như là chi thể của Thân Mình Ngài.”<sup>5</sup>

Giáo hội là hiện thân của Đức Kitô ở giữa lòng nhân loại, và là thể cách hiện diện hữu hình nhất của Ngài. Cũng có một số thể cách hiện diện qua các biểu tượng, như: các thánh đường [có thập giá], các cơ cấu của Giáo hội, các tổ chức tông đồ hoặc từ thiện trong Giáo hội, những sách vở báo chí, những trường học hay cơ quan thông tin và dư luận, v.v... tất cả đều nhắc đến, nói lên sự hiện diện của Đức Kitô ở giữa thế giới.

Do tự bản tính, Giáo hội là bí tích của Đức Kitô, tức là sự hiện diện hữu hình của Đức Kitô vô hình. Thường thì con người gặp gỡ với Đức Kitô qua hay trong Giáo hội: hoặc vì được sinh ra trong một gia đình kitô giáo và lãnh nhận các bí tích trong Giáo hội, hoặc vì nhờ nghe Tin mừng Giáo hội rao giảng mà nhận được đức tin và chịu phép Rửa trong Giáo hội. Sở dĩ Đức Kitô hiện diện như thế là để tiếp tục thi hành vai trò Trung gian của Ngài (x. ASMD 14a). Vì vậy, Giáo hội luôn luôn xác tín rằng dù “ngự bên hữu Chúa Cha, Đức Kitô vẫn hiện diện giữa cộng đoàn các linh mục của Ngài... Chúa Kitô rao giảng lời Thiên Chúa cho các dân nước và không ngừng ban phát các bí tích đức tin cho tín hữu” (ASMD 21a). Nếu Giáo hội là thân thể, thì Đức Kitô hiện diện như là Đầu, tức như là nguyên nhân của sự hiệp thông, là nguồn sống của các chi thể (x. Eph 4:15; 5:23; Cl 1:18). Nếu Giáo hội là hiền thê, thì Đức Kitô hiện diện như là tân lang (x. Eph 5:21tt); thật vậy, tương giao giữa Đức Kitô với mỗi kitô hữu mật thiết như giữa vợ chồng; vì thế, thánh Phaolô viết:

<sup>5</sup> *Giáo lý...* số 521.

“Tôi đã đính hôn anh em với một người độc nhất là Đức Kitô, để tiến dâng anh em cho Ngài như một trinh nữ thanh khiết” (2Cr 11:2). Các bậc thần nghiệm thường nói đến “hôn nhân thiêng liêng,” vì các vị cảm thấy tình yêu của Đức Kitô tác dụng trong tâm hồn mình một cách nồng cháy, khôn tả, và vì không biết lấy gì ngoài ẩn dụ “hôn phối” để diễn tả kinh nghiệm ấy. Nhưng mỗi linh hồn đều có thể hưởng nếm sự hiện diện mật thiết ấy, nếu biết mở lòng ra mà đón nhận: “Này đây, Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta” (Kh 3:20).

Có một nơi đặc biệt để gặp gỡ với Đức Kitô, đó là cộng đồng phụng vụ, vì có lời hứa: “Thầy bảo thật anh em: ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ” (Mt 18:20). Thực vậy, nếu tụ họp nhân danh Ngài, thì mọi buổi họp mặt của các kitô hữu đều là dịp để gặp Đức Kitô. Tuy nhiên, Đức Kitô hiện diện một cách toàn hảo và đặc biệt ở trong cộng đồng cử hành phụng vụ của Giáo hội; vì thế, bao giờ chủ tế cũng chào là: “Chúa ở cùng anh chị em”; điều đó nói lên tính chất đặc thù của cộng đoàn.<sup>6</sup> Công đồng Vaticanô II giải thích rằng:

“Để chu toàn công việc lớn lao ấy [sứ mệnh Đức Kitô trong lịch sử], Chúa Kitô hằng hiện diện trong Giáo hội nhất là trong các hoạt động phụng vụ. Ngài hiện diện trong Hy Lễ không những trong con người thừa tác viên, vì ‘như xưa Ngài đã dâng mình trên thập giá thì nay chính Ngài cũng dâng mình nhờ thừa tác vụ của các linh mục,’ mà nhất là hiện diện thực sự dưới hai hình

<sup>6</sup> LG 26a, GS 21d, Phaolô VI, *Mysterium Fidei*, 3-9-1975, số 35-39; Cuva, A., *La presenza di Cristo nella Liturgia*, Roma 1973; xin xem thêm Marion, J.-L., *Dieu sans l'être*, Paris 1982, “Le présent et le don,” 225-258.



Thánh Thể. Ngài hiện diện trong các Bí tích với quyền năng của Ngài; vì thế, ai rửa tội chính là Chúa Kitô rửa. Ngài hiện diện trong lời của Ngài, vì chính Ngài nói khi người ta đọc Thánh kinh trong Giáo hội. Sau hết, Ngài hiện diện khi Giáo hội cầu khẩn và hát Thánh vịnh, như chính Ngài đã hứa.”<sup>7</sup>

Bản văn trên đây kể ra nhiều cách hiện diện khác nhau. Hiện diện đặc thù và trọn vẹn nhất là trong Thánh Thể. Thứ nhất, vì đó là *memoria*, là cuộc tưởng niệm Ngài: “Hãy làm điều này để nhớ đến Ta” (Lc 22:19tt).<sup>8</sup> Trong cuộc tưởng niệm này, Đức Kitô không chỉ đơn thuần hiện diện ở nơi trí nhớ của các tín hữu, mà còn hiện diện theo cách thể thần học gọi là “khách quan,” hoặc “huyền nhiệm” (*mysteric*), do sự việc quyền năng Ngài tác dụng trên cộng đồng nhằm mang lại ơn cứu độ cho các tín hữu. Ngài tạo nên một cơ hội ân sủng (*kairos*), một bầu khí thiêng liêng giúp cho các thành viên cộng đồng dễ mở lòng ra hơn mà đón nhận ơn thánh. Cộng đồng phụng vụ là hiện thân của Nhiệm Thể Đức Kitô tại một nơi, là hình ảnh cụ thể của “Giáo hội địa phương.” Có thể nói là ‘cường độ’ của sự hiện diện trong cộng đồng như thế là rất cao, chỉ kém thua sự hiện diện thực sự trong Mình và Máu Thánh Thể mà thôi.

Thứ hai, vì Đức Kitô hiện diện cách đặc biệt ở trong thừa tác viên lúc cử hành các Bí tích. Thừa tác viên hoạt động “trong bản thân Đức Kitô” (*in persona Christi*),<sup>9</sup> tức là nhân danh và thay mặt Ngài mà hành động, như là để giải tội chẳng hạn: “Tôi giải

<sup>7</sup> Công đồng Vaticanô II, PV 7a.

<sup>8</sup> Schäffer, Ph., “Eucharist: Memorial of the Death and Resurrection of Jesus,” trong Hängsling, Ph., (ed), *The Meaning of the Liturgy*, Collegeville: The Liturg. Pr. 1994, 56-78.

<sup>9</sup> Xin xem Ferrara, D., “*In Persona Christi*. Valeur et Limites d’une Formule,” *Maison Dieu* số 215-3 (1998) 107-118.

tội cho anh [chị, ông, bà]...” *Tôi* này vừa là cá nhân linh mục vừa là Đức Kitô, vì tự mình, thừa tác viên không có quyền tha tội. Thánh Augustinô giải thích: “Khi Phêrô rửa tội, là Đức Kitô rửa tội; khi Gioan rửa tội, là Đức Kitô rửa tội; khi Giuđa rửa tội, là Đức Kitô rửa tội.” Trong việc cử hành các bí tích, Đức Kitô là chủ sự thực sự, là tác viên chính yếu, còn thừa tác viên chỉ giữ vai khí cụ. Đúng như Vaticanô II giải thích: “Qua sự phục vụ quý hóa của các ngài, Chúa Kitô rao giảng lời Thiên Chúa cho các dân nước, và không ngừng ban phát các bí tích đức tin cho các tín hữu” (ASMD 21a). Chẳng thế mà Đức Kitô đã kiên quyết khẳng định: “Ai nghe anh em là nghe Thầy; ai khước từ anh em, là khước từ Thầy...” (Lc 10:16tt). Chúa đồng hành và ở với các sứ đồ của Ngài, nhất là lúc bị bách hại (x. Mt 10:19-20).

Thứ ba, vì Đức Kitô hiện diện trong lời Chúa. Nghe tuyên bố Kinh Thánh, nghe giảng dạy trong các nghi thức phụng vụ, là nghe chính Đức Kitô dùng miệng của thừa tác viên mà loan báo Tin mừng; bởi như đã nói trên đây, thừa tác viên hành động nhân danh Đức Kitô. Thần Khí đã linh ứng Sách thánh và để lại cho Giáo hội như là một bí tích của mạc khải. Vì thế, các Giáo phụ thường nói rằng Kinh Thánh “chứa đựng” Đức Kitô, nhưng cần phải có “con mắt đức tin” thì mới khám phá ra Ngài (x. Lc 24:44). Ngài hằng nói với các độc giả qua thời đại: “Ai có tai để nghe, thì hãy nghe.” Nhờ Kinh Thánh, Ngôi Lời không còn im lặng nữa. Thánh Xêsariô thành Arles nói rằng: “Lời Thiên Chúa không kém quan trọng so với Thân thể Chúa Kitô,”<sup>10</sup> vì Kinh

<sup>10</sup> Cesario thành Arles, *Sermo* 78. 2.

Thánh thì tựa như Minh và Máu Chúa ở trong chữ viết, nơi đó chúng ta gặp được Ngài.<sup>11</sup>

Sự hiện diện thực sự trong Thánh Thể là trường hợp độc đáo. Trong “Mầu nhiệm Đức tin” này, sự hiện diện cứu độ của Đức Kitô được thể hiện nhờ chính sự hiện diện “bản thể” dưới hình bánh và hình rượu; đó là một thể cách hiện diện hết sức đặc biệt vì Đức Kitô toàn vẹn, vừa là Thiên Chúa vừa là con người, thật sự có mặt ở trong bí tích.<sup>12</sup> Khi nghe Đức Giêsu nói: “Thịt tôi thật là của ăn và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy,” (Ga 6:55-6), dân Do thái tỏ ra hết sức ngỡ ngàng và phản ứng mạnh, coi đó là “lời quá chương tai” (Ga 6:60), vì tự nhiên, có ai mà nghĩ như vậy. Nói chung, khó mà thấu đạt được tình yêu; mà “Bí tích Tình yêu” này là hiện thân của lòng yêu thương bao la Đấng Thiên sai dành cho con người; vậy thì làm sao trí khôn loài người có thể hiểu thấu cho nổi. Thánh Augustinô đã thử đề nghị một cách để hiểu: cứ yêu mến đi, rồi may ra bạn sẽ hiểu được. Thể cách hiện diện này là hoàn hảo nhất, là một cách “tương tại” (Đức Kitô và người chịu Lễ ở trong nhau) mật thiết hơn bất cứ thể cách hiện diện nào khác giữa loài người.

Cuối cùng, Đức Kitô hiện diện trong cầu nguyện của người tín hữu, đặc biệt là trong kinh nguyện chính thức của Giáo hội. Nếu có một lúc nào con mắt đức tin bừng sáng lên nhất, thì đó là lúc cầu nguyện, và vì thế mà dễ nhận ra Chúa hiện diện gần kề. Thánh Phaolô (cũng như các tác giả khác của Tân Ước) đã từng quen “lắng nghe” lời Đức Kitô trong Kinh Thánh, nhất là

<sup>11</sup> Xin xem Crowe, F. E, sj, *Theology of the Christian Word*, N.Y.: Paulist 1978.

<sup>12</sup> Xin xem Phaolô VI, *Mysterium fidei*, số 20, 46-55.



trong các Thánh vịnh.<sup>13</sup> Phần sách Cựu Ước được Tân Ước trích dẫn nhiều nhất là Thánh vịnh, bởi Giáo hội sơ khai cảm nghiệm đặc biệt mạnh mẽ sự hiện diện của Chúa Phục sinh lúc hát Thánh vịnh. Thần học gia W. M. Thompson nhận định: “Tôi không nghĩ người nghiên cứu có thể tiến xa trong nỗ lực tìm hiểu Kitô học mà không nhờ đến phương cách đào tạo và khả năng hình dung được đầy tính chất suy niệm, thi vị, cung kính và cả tiên trưng nữa của kho tàng văn chương được Thánh vịnh giới trình và tán trợ.”<sup>14</sup> Kitô học gia nào lại không thấy là cần phải áp dụng cho mình lời nhấn nhủ sau đây của Phaolô: “Hãy thấm nhuần Thần Khí; hãy cùng nhau đối đáp những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca do Thần Khí linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa. Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha” (Ep 5:18-20).

Để tổng hợp các thể cách “Đức Kitô hiện diện trong chúng ta,” thánh Phaolô đã dùng đến cụm từ “*en Christô*” = “trong Đức Kitô.” Đối với kitô hữu, toàn bộ cuộc sống, mọi lời nói, mọi việc làm, mọi điều chịu đựng, tất cả đều xảy ra trong Chúa Kitô (x. Rm 16:11-13; 1Cr 3:1; 4:15; 11:11; 2Cr 2:10, v.v.). Bởi được cứu chuộc “trong Đức Kitô” (Rm 3:24), nên sự sống mới của kitô hữu tất cũng diễn ra ở trong chính Ngài (x. Rm 6:11.23). Kitô hữu được định nghĩa là “những ai ở trong Đức Kitô” (x. Rm 8:1-2),

<sup>13</sup> Jacques Trublet, “Les Psaumes,” trong *Dict. de Spir.* 12/2, 1986, 2553; xem Nédoncelle, M., *Prière humaine, prière divine*, Paris 1962; Wright, J., *A Theology of Christian Prayer*, N.Y.: Pueblo 1982<sup>2</sup>; Guillet, J., “Le Christ prie en moi,” *Christus* 178HS (1998) 185-198.

<sup>14</sup> Thompson, W. M., “Christology as Psalmody: The Role of the Psalms in Christology,” trong *The Struggle for Theology's Soul*, N.Y.: Crossroad 1996, tr. 48.

vì Đức Kitô ở trong họ (x. Rm 8:10) một cách không thể tách rời được, qua mối dây nối kết chặt chẽ của tình yêu vô điều kiện Thiên Chúa dành cho họ (x. Rm 8:35tt). Biết ý thức đến sự kiện này là điều rất quan trọng. Phaolô đã dựa vào kinh nghiệm này mà giải quyết những khủng hoảng trong các cộng đoàn: “Anh em chẳng nhận ra là có Đức Giêsu Kitô ở trong anh em sao?” (2Cr 13:5). Thật vậy, toàn bộ mầu nhiệm của cuộc sáng tạo, cứu chuộc và thần hóa đều trọn vẹn diễn ra ở trong Đức Kitô (x. Ep 1:1tt): “Chúng ta được dựng nên trong Đức Kitô Giêsu” (Ep 2:10), hoặc nói tóm lại: “Mầu nhiệm là chính Đức Kitô trong anh em” (Cl 1:27). Trước sự hiện diện ấy, hết mọi dị biệt đều không đáng kể: chủng tộc, giai cấp, thân phận, giới tính, v.v. tất cả đều biến mất; trong cộng đồng Kitô giáo, tất cả đều như nhau, vì chỉ còn một yếu tố duy nhất đáng kể: “Đức Kitô là tất cả và ở trong mọi người” (Cl 3:11). Phaolô còn quan niệm là Đức Kitô đang “sinh ra” hoặc “hình thành” ở trong Kitô hữu (x. Gl 4:19): từ lúc mới chịu phép rửa (= “sinh ra”) cho đến khi “chết trong Đức Kitô” (1Tx 4:16). Đó quả là Kitô học hiện sinh. Kitô hữu đích thực là người sống chết trong và cho Chúa Kitô (x. Rm 14:8); mọi sự khác đều là phụ thuộc. Như sách Khải huyền viết: “Phúc thay những ai chết trong Chúa Kitô” (Kh 14:13), vì đó là lúc sự hiện diện của Đức Kitô và niềm hiệp thông với Ngài đạt đến mức sung mãn, toàn vẹn.

### C. ẨM DANH

Những gì trước đây đã nói về Ngôi Lời hiện diện ở trong vũ trụ và lịch sử, thì đều thích dụng cho phần viết này; dĩ nhiên, không phải chỉ đơn thuần là như thế vì Ngôi Lời đã nhập thể và có tên riêng là Giêsu Kitô. Trong phần viết trước đây, đã có dịp nói đến “hiện sinh thể Kitô” (*christic existential*), tức về điểm

này là: “khi nhập thể, một cách nào đó, Con Thiên Chúa đã kết hợp với mọi người” (VMHV 22b), thế nên mọi người đều mang trong mình mầm giống của Đức Kitô. Mặt khác, Ngài là “trưởng tử của mọi tạo vật,” “và tất cả đều tồn tại trong Ngài” (Cl 1:15-17). Như vậy, cần phải biết nhận cho ra Đức Kitô nơi mỗi người như thể là nơi một người em của Ngài, xác tín Ngài là thâm căn hiện hữu của mỗi người. Chính Đức Giêsu đã ám chỉ đến “họ hàng” không biên giới của Ngài khi nói rằng bất cứ ai thi hành ý Cha ở trên trời là họ hàng của Ngài (x. Mt 12:50). Dấu chỉ của sự hiện diện này (qua ơn thánh, qua Thần Khí) là hành vi đạo đức: ở đâu có người làm điều lành, thì ở đấy có Đức Kitô tác động. Lắm người lầm tưởng Đức Kitô chỉ hiện diện khi có người kêu: “Lạy Chúa, lạy Chúa” hoặc vì có người làm những điều to tát nhân Danh Ngài; chưa hẳn là thế (x. Mt 7:21-23). Ai thành thực làm điều thiện, thì chắc chắn đó là người có Đức Kitô hoạt động ở trong mình. Công đồng Vaticanô II giải thích: “Từ nay, [sau Phục sinh] Chúa Kitô hoạt động trong lòng con người nhờ quyền năng Thánh Thần của Người, không những bằng cách khơi dậy khát vọng đời sau, nhưng còn qua đó, cổ vũ, tinh luyện và củng cố những ước vọng quảng đại thúc đẩy gia đình nhân loại biến cải cuộc sống của mình cho nên nhân đạo hơn và quy phục trái đất về cùng mục đích ấy” (VMHV 38).

Trong dụ ngôn về cuộc phán xét chung, Đức Giêsu đã gợi ý cho hiểu rằng Ngài ở trong những người gặp khó khăn, cần được giúp đỡ: những gì người ta làm hay không làm “cho một trong những anh em nhỏ nhất đây,” là đã làm hay không làm “cho chính Ta vậy” (x. Mt 25:40.45). Những “anh em nhỏ nhất” ấy là ai? Có lẽ là những môn đồ (kitô hữu); nhưng cũng có lẽ là bất cứ người nào gặp phải hoàn cảnh khó khăn. Có người chịu khổ là có Đức Kitô ở kề bên. Thế mới rõ tại sao nhà tư tưởng Pascal



lại nói: “Đức Kitô vẫn còn hấp hối cho đến tận thế.”<sup>15</sup> Còn thần học thì gọi thể cách hiện diện ẩn danh của Đức Kitô là “bí tích tha nhân,” như người bạn đồng hành trên đường Emmau ngày xưa vậy (x. Lc 24:13tt).

Theo tư thế là Đấng Cứu chuộc, Đức Kitô hiện diện nơi hết mọi người Ngài yêu thương cho đến thí mạng sống vì họ. Ơn cứu độ chỉ có được trong Đức Kitô. Thế thì khi đối xử với người khác, tiêu chuẩn nào mình dùng đến thì cũng sẽ được dùng để xét xử chính mình: “Anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy; anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong cho anh em đấu ấy” (Mt 7:2). Giao tiếp với Đức Kitô là như thế. Trên con đường cứu độ, Ngài gặp gỡ với chúng ta nơi tha nhân.

Giáo hội thường hát: “Tình yêu ở đâu, ở đấy có Thiên Chúa.” Điều răn Cựu Ước ghi lại: “Hãy yêu người thân cận như chính mình” (Lv 19:18), có chỉ nghĩa là “yêu đồng bào, đồng hương.” Đức Giêsu đã quảng diễn ý nghĩa để cho hiểu đó là “tha nhân,” cho dù là “dân ngoại,” hay “thù địch,” như thấy được trong dụ ngôn về người Samari (x. Lc 10:29tt) và trong lệnh Ngài truyền qua bài giảng trên núi (x. Mt 5:43tt). Điều răn này tóm gọn toàn bộ Lễ Luật (x. Gl 5:14), và thánh Giacôbê gọi là “Luật vương giả” (Gc 2:8). Mà giữ Luật là được ơn cứu độ, được Đấng Cứu tinh tác động: trong tương quan tình thương thì có Thiên Chúa, có Đức Kitô, và có “tha nhân” đã trở thành “thân cận.”

Để nhận cho ra thực tại này, thì cần phải mở “con mắt đức tin” và được Thần Khí soi sáng. Khi ấy, tình cảnh sẽ đổi mới, trở nên lạ thường: tôi có thể *trở nên* thân cận với hết mọi người (như

<sup>15</sup> Pascal, *Pensées*, do Brunshvicg xuất bản, số 552.

người Samari: Lc 10:36-7), và thấy được đối với tôi, mọi người cũng đều đã “thành” Đức Kitô. Bây giờ, Kitô hữu mới thực “góp phần” tích cực và hữu hiệu vào việc hiện thực hóa trạng viên mãn của Đức Kitô (πλήρωμα) nơi mọi người (x. Ep 1:23).

Còn một trường hợp hiện diện đặc biệt khác của Đức Kitô: hiện diện trong các tôn giáo.<sup>16</sup> Không chỉ vì sự có mặt của “hạt giống Ngôi Lời,”<sup>17</sup> mà còn vì việc các “hạt giống” ấy đã cụ thể mọc lên làm khí cụ cứu độ của Đấng Cứu Tinh. Tuy nhiên, khác hẳn với lối quan niệm của R. Panikkar,<sup>18</sup> Đức Kitô ở đây không phải là một thứ “năng động thần linh,” được coi là khác với Đức Giêsu, song chính là Đức Giêsu Kitô Nadarét, mà thần học về các tôn giáo có bốn “phải minh trình cho thấy là đang hiện diện chủ động trong tất cả các tôn giáo.”<sup>19</sup> Điều này chỉ có thể thành hiện thực nhờ năng lực của mầu nhiệm Phục sinh, qua đó, Đức Kitô thu nhận tất cả những gì chân thiện ở trong nhân loại làm phương tiện chuyển thông ơn cứu độ của Ngài đến với mọi người. Một thí dụ cụ thể là đời sống tu hành trong các tôn giáo; Vaticanô II nhận định: “Những truyền thống khổ hạnh và chiêm niệm đôi khi đã được Thiên Chúa gieo mầm trong các nền văn

<sup>16</sup> Doré, J., “La présence du Christ dans les religions non-chrétiennes,” *Salmanticensis* 42 (1995) 315-340.

<sup>17</sup> Xin xem LG 17, AG 11; Esquerda Bifet, J., “Alla luce dell Spirito Santo, discernere i semi del Verbo all’interno delle culture e delle religioni,” *Euntes Docete* 51 (1998)2/3, tt. 91-98; Holte, R., trên đây.

<sup>18</sup> Về đề tài này xin xem cuốn sách tiêu biểu: Panikkar, R., *The Unknown Christ of Hinduism*, Orbis Books (tái bản) 1994.

<sup>19</sup> Dupuis, J., *Jésus-Christ à la rencontre des religions*, Paris, Desclée 1989, đoạn kết thúc; xin xem Mondin, B. “Ơn cứu độ trong các tôn giáo không Kitô,” *HTTH* số 3 (1992) 71-84.

hóa cổ xưa...” (HDTG 18b). Văn kiện *Ecclesia in Asia* của Hội Nghị Châu Á viết rằng:

“Theo sự hướng dẫn của Công Đồng Vaticanô II, các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã tập trung chú ý tới hoạt động vừa nhiều vừa đa dạng của Chúa Thánh Thần, Đấng vẫn tiếp tục gieo các hạt giống chân lý vào các dân tộc, tôn giáo, văn hoá và triết lý của họ. Nói thế có nghĩa là những tôn giáo, văn hoá và triết lý ấy có thể giúp con người, cá nhân lẫn tập thể, chống lại sự dữ và phục vụ sự sống cũng như tất cả những gì tốt đẹp. Lực lượng tử thần luôn luôn tìm cách cô lập con người, xã hội và các cộng đồng tôn giáo với nhau, gieo rắc nghi ngờ và cạnh tranh, đưa người ta tới chỗ xung đột với nhau. Ngược lại, Thánh Thần luôn nâng đỡ con người đi tìm sự hiểu biết và đón nhận nhau. Thế nên, Thượng Hội Đồng đã có lý khi coi Thánh Thần Thiên Chúa là tác nhân số một của việc đối thoại giữa Giáo Hội với mọi dân tộc, mọi nền văn hoá và mọi tôn giáo” (số 15)

### ***KITÔ HỌC HIỆN SINH***

*Học* Kitô học không thôi thì chưa đủ, bởi ngoài học còn cần phải *sống* Kitô học nữa, tức là phải thực thi Kitô *hành*. Biết giải thích mẫu nhiệm ngôi hiệp là điều hay, nhưng noi gương sát gót Đức Giêsu là điều tốt hơn. Kitô học sống động này dựa vào sự việc Đức Kitô hiện diện trong mỗi cá nhân và trong lịch sử loài người.

Tựa như mạc khải gợi lên đức tin, thì cũng thế, sự hiện diện cứu độ của Đức Kitô đưa tín hữu đến chỗ đón nhận ơn thông hiệp của Ngài, tức là tự trao ban chính mình cho lẫn nhau trong quan hệ: Thầy-trò, Anh-em, Cứu tinh-tội nhân, thân tình với nhau, v.v. Quan hệ thông hiệp này thể hiện theo những cách thức khác nhau, và theo những cường độ khác nhau, tùy tình trạng và tính



tình thiêng liêng của mỗi người. Thế nào đi nữa thì tín hữu cũng phải sống với ý thức sinh động là Đức Kitô đang hiện diện với mình, trong mình. Thái độ này giả thiết người “Kitô hành” hằng chú tâm tìm đọc cho ra những dấu chỉ về sự hiện diện của Đức Kitô trong các thực tại như nêu trên đây, tức là biết nhìn mọi sự với con mắt đức tin.

Kitô học nhấn mạnh đến tầm quan trọng của giáo lý chính thống (*orthodoxy*), còn ở đây thì ưu tiên được dành cho chính hành (*orthopraxis*); nói cách khác: giáo lý chính thống là phần nhận thức chuẩn xác về Đức Kitô, còn chính hành là việc thực thi những gì Ngài dạy qua gương sống và giáo huấn của Ngài.<sup>20</sup> Tư chất con người Đức Giêsu thì rất phong phú, vì thế môn đồ (kitô hữu) có thể noi theo Ngài bằng nhiều cách: sống đời chiêm niệm hay hoạt động, làm bốn phận thường nhật trong gia đình hay là làm ngôn sứ rao giảng đó đây, làm thầy huấn giáo hay là người chữa bệnh, v.v. Dù noi theo Ngài trong cách thể nào đi nữa, thì tất yếu cũng phải nhờ đến sức năng của Ngài. Ngay từ đầu, Giáo hội đã hiểu rằng đón nhận Lời Chúa có nghĩa là noi theo Ngài (x. 1Tx 1:6). Phaolô cắt nghĩa rõ phép Rửa tội là chết và sống lại với Đức Kitô, là bỏ lối sống cũ và bắt đầu một đời sống mới (x. Rm 6:1-11), hoặc nói cách khác, là sống theo tác động và sức năng của Thần Khí (x. Rm 8:4.11-13). Như Đức Giêsu đã đến không phải để được phục vụ, song là để phục vụ (x. Mt 20: 28tt) và muốn các môn đồ bắt chước mẫu gương tình thương ấy (x. Ga 13:15), thì cũng thế, kitô hữu phải biết là lấy tình thương mà phục vụ tha nhân (x. 1Cr 13; Gl 5:13). Người Sa-

<sup>20</sup> Cothenet, E., *et alii*, “Imitation” trong *Dict. de Spiritualité* VII, 1971, 1536-1601.

mari tốt lành (Lc 10:29-36) là hình ảnh chỉ về Đức Giêsu, lý tưởng tiêu biểu của cách thức xử thế kitô giáo.

Noi theo Đức Kitô còn có nghĩa là một khi đã trở nên “Kitô khác” thì biết chia sẻ “Ngài” với người chung quanh; chia sẻ cho họ gương sống, cái chết, giáo huấn, và đặc biệt là Thần Khí của Ngài, để họ được cùng sống với Ngài. Noi theo Đức Kitô là để Ngài dùng mình như là khí cụ nhằm phục vụ người khác. Ý của Chúa Cha là người kitô phải “có những tâm tình như Đức Kitô Giêsu” (Pl 2:5) và, nhờ Thần Khí, phải “trở nên đồng hình đồng dạng với Con của Người” (Rm 8:29), trở nên hình ảnh sống động của Đức Kitô ở giữa xã hội loài người, mỗi người một cách, “tùy theo mức độ ân sủng Đức Kitô ban cho” (Ep 4:7), tức là tùy theo khả năng, hoàn cảnh, địa vị, ơn gọi, v.v., của mỗi người: có thể là giáo dân hay giáo sĩ, sống đời tu hành hay ở giữa thế tục; dù sao, người “Kitô hành” thế ấy cũng không mảy may ỷ vào trí lực của mình, mà chỉ cậy vào ơn Chúa và cố đem hết thiện chí mà nỗ lực hợp tác, điều mà ai ai cũng có thể làm được.

Hân hoan là nét đặc trưng của kitô học hiện sinh, vì bao giờ cũng có Đức Giêsu hằng sống hiện diện bên cạnh.<sup>21</sup> Đó là kinh nghiệm phục sinh của các tông đồ (x. Lc 24:41.52; Ga 20:20). Tin *mình* mang lại niềm vui cho những ai được gặp Đức Giêsu: còn trong bụng mẹ, Gioan đã “nhảy mừng vui sướng” (Lc 1:44); Dakêu hân hoan đón rước Ngài (x. Lc 19:6)... Cả đến Abraham cũng vui mừng vì thấy được ngày Đức Giêsu! (x. Ga 8:56): nếu

<sup>21</sup> Kinh nghiệm này được thánh Bênadô diễn tả trong ca vịnh: “*Jesu, dulcis memoria / dans vera cordis gaudia. / Sed super mel et omnia / eius dulcis præsentia*”: “Lạy Đức Giêsu, nhớ đến Chúa dịu ngọt thay, Chúa ban hạnh phúc thật cho tâm hồn. Nhưng sự hiện diện của Ngài thì thật dịu ngọt hơn mật ong và hơn mọi sự.”

trước khi nhập thể, Ngài đã là niềm vui cho các kẻ có lòng tin, thì hưởng chi bây giờ; hạnh phúc Ngài mang lại “không ai lấy mất được” (Ga 16:22). Vì thế, thánh Phaolô khuyên: “Anh em hãy vui luôn trong niềm vui của Chúa; tôi nhắc lại: vui lên anh em!” (Pl 4:4). Không cần nhấn mạnh nhiều đến điểm này; Giáo hội và truyền thống đời tu đã quy áp cho Đức Kitô lời sau đây của Thánh vịnh: “Hãy nghiệm cảm xem Chúa tốt lành biết mấy: hạnh phúc thay kẻ ẩn nấu bên Ngài” (Tv 34:9).

Cuối cùng, Kitô học hiện sinh nêu rõ chiều kích cánh chung của mệnh phận Kitô hữu: một khi đã tin vào Đức Kitô hằng hiện diện, nhất là đã nghiệm thấy Ngài hiện diện trong lòng mình và nơi tha nhân, tất sẽ nhận ra được rõ sự hiện diện đó chính là bảo chứng của những thực tại trường cửu ở trên trời. Ở đó, trong quê hương thật (x. Kh 21:2tt.22tt), khi Thiên Chúa sẽ là tất cả trong tất cả (x. 1Cr 13:12; 15:28), tín hữu sẽ được “mặt giáp mặt” (Xh 33:11) và đích thực rõ ràng (x. 1Ga 3:2), ngắm nhìn vinh quang của Đức Kitô, như Ngài hằng cầu mong cho (x. Ga 14:2tt; 17:24tt; 2Cr 3:18).



## THƯ MỤC

Altizer, Th. J. J., *The contemporary Jesus*, Albany: State Univ. of N.Y. 1997.

Alves, M. I., *Ressurreição e Fé pascal*, Lisboa, Didaskalia 1991.

Amato, A., *Gesù Cristo verità di Dio e ricerca dell'uomo*, Roma: Herder: Miscellanea francescana, 1997.

Amato, A., *Gesù il Signore*, Bologna, Dehoniana 1991.

Anderson, Paul N. *The Christology of the Fourth Gospel: Its Unity and Disunity in the Light of John 6*, Trinity Press 1998.

Armstrong, D., (ed), *The Truth About Jesus*, Eerdmans 1998.

Arnáldez, R., *Jésus dans la pensée musulmane*, Desclée 1988.

Aune, D. E. *Prophecy in Early Christianity and the Ancient Mediterranean World*, Grand Rapids, Eerdmans 1983.

Ball, D. M., *'I Am' in John's Gospel. Literary Function, Background and Theological Implications*, Sheffield 1996.

Bammel, E. & Moules, C.F.D. (eds), *Jesus and the Politics of His Day*, Cambridge UP 1984.

Barlone, Sandro, *Le Apparizioni del Risorto agli Undici. Natura e funzione secondo tre recenti disegni cristologici*, Assisi, Cittadella Editrice, Coll: Studi Cristologici, 1998.

Bartel, T. W., "Why the philosophical problems of Chalcedonian Christology have not gone away," *Heythrop* 36 (1995) 153-172.

Basetti-Sani, G., ofm, ...*Essenzialmente Amore*. Saggio di Crisologia francescana, Padova 1993.

Battaglia, V., *Cristologia e contemplazione*, Bologna 1997.

Battaglia, V., *Gesù crocifisso, Figlio di Dio*, Roma: Antonianum 1990.

Bauckham, R., *God Crucified. Monotheism and Christology in the New Testament*, Eerdmans 1998.

Bauer, D. R., "The Kingship of Jesus in the Matthean Infancy Narratives: A Litterary Analysis," *Cath.Bibl.Quart.* 57 (1995) 306-323.

Beasley-Murray, G. R., *Jesus and the Kingdom of God*, Grand Rapids: Eerdmans 1986 [eschatology].

Beauchamp, P., *Le Récit, la Lettre et le Corps*, Cerf 1982.

Becker, J., *Jesus of Nazareth* (New York – Berlin, 1998; German original 1996).

Best, E., *Disciples and Discipleship: Studies in the Gospel According to Mark*, Edinburgh: T&T Clark 1986.

Bloesch, D. G., *Jesus Christ, Savior and Lord*, Inter Varsity Press 1999.

Bockmuehl, M., *This Jesus: Martyr, Lord, Messiah*, Edinburgh, T&T Clack 1994.

Boers, H., *Who Was Jesus? The Historical Jesus and the Synoptic Gospels*, San Francisco, Harper & Row 1989.

Boismard, M.-E., *Moïse ou Jésus: Essai de Christologie Johannique*, Leuven 1988.

Booth, R. P., *Jesus and the Laws of Purity. Tradition History and Legal History in Mark 7*, Sheffield 1986.

Borg, Marcus J., *Jesus in contemporary scholarship*, Trinity Press 1994.

Boros, L., *The Cosmic Christ*, London: Search Press 1975.

Bouyer, L., *Le Fils Éternel*, Paris: Cerf 1974.

Brandon, S. G. F., *Jesus and the Zealots: A Study of the Political Factor in Primitive Christianity*, Manchester U.P. 1967.

Brennan, John P., SMA, *Christ, The One Sent*, Collegeville: The Liturgical Press, 1997.

Bro, B., op, *Peut-on éviter Jésus-Christ?*, Paris, éd. Du Fallois 1995.

Broadhead, E. K., *Teaching with Authority: Miracles and Christology in the Gospel of Mark*, Sheffield 1992.

Brown, C., *Miracles and the Critical Mind*, Grand Rapids: Eerdmans 1984.

Brown, H. G., *Heresies*, Garden City: Doubleday 1984.

Brown, Raymond E., SS, *An Introduction to New Testament Christology*, Paulist/ Geoffrey Chapman 1994.

Brown, Raymond E., SS, *The Birth of the Messiah*, Geoffrey Chapman 1993.

Brown, Raymond E., SS, *The Death of the Messiah*, Geoffrey Chapman 1994.



Burkle, H., "How can we bring the *ephapax* of the historical Christ closer to Asiatic patterns of thought?" *Communio* 15 (1988) 423-435.

Caragounis, Chrys C., *The Son of Man: Vision and Interpretation*, Tübingen, Mohr 1986.

Carroll, J. T. & Green, J. B., *The Death of Jesus in Early Christianity*, Peabody, Hendrickson 1995.

Carrón, Julián, *Jesús, Mesías manifestado: Tradición literaria y trasfondo judío de Hch 3,19-26*, Madrid: Ciudad Nueva 1993.

Casey, P., *The Son of Man*, London: SPCK 1979.

Charpentier, E., *Pour lire l'Ancien Testament*, Cerf 1981.

Chethimattam, J. B. "Asian Jesus: the relevance of Jesus Christ in the Asian world of religious pluralism," *Jeevadhara* 27 (1997) 299-310.

Chidi, Isizoh D., *The resurrected Jesus preached in Athens*, Lagos-Rome, Cedee 1997.

Childs, B. S., *Biblical Theology of the Old and New Testament*, Minneapolis: Fortress 1993. "Christ the Lord" tt. 452-484.

Chilton B., and Neusner J., *Judaism in the New Testament*, London-New York 1995.

Coble, J. B. & Christopher Y., *The Emptying God: A Buddhist-Jewish-Christian Conversation*, Maryknoll: Orbis 1990.

Coetzee, J. C., "Christ and the Prince of this World in the Gospel and Epistles of St. John" *Neotestamentica* 2 (1968) 104-121.

- Cohn-Sherbok, D., *The Jewish Messiah*, T&T Clark 1998.
- Comm. Theol. Intern., "Quaestiones selectae de Deo Redemptore" *Gregorianum* 78 (1997) 421-476.
- Congar, Y., *Jesus Christ*, Herder & Herder 1966.
- Cook, M. L. sj, *Christology as narrative quest*, Colleville: M. Glazier 1997.
- Cornille, C., and Neckebrouck, V., (eds), *A Universal Faith? Peoples, Cultures, Religions, and the Christ*, Eerdmans 1994.
- Cowdell, Scott, *Is Jesus Unique? A Study of Recent Christology*, New York: Paulist 1996.
- Croce, V., *Gesù di Nazaret, Signore e Servo. Una cristologia di base*, Torino, Elli Di Ci 1993.
- Crossant, J. D., *Who killed Jesus?*, San Francisco: Harper 1995.
- Crump, D. M., *Jesus The Intercessor: Prayer and Christology in Luke-Acts*, Tubingen: Mohr 1992.
- Cullmann, O., *The Christology of the New Testament*, London: SCM 1963.
- D'Costa, G. (ed), *Christian Uniqueness Reconsidered: The Myth of a Pluralistic Theology of Religions*, Maryknoll: Orbis 1990.
- Dalton, W.J., *Christ's Proclamation to the Spirits. A Study of 1Peter 3:18-4:6*, Roma. Pont. Institutum Bibl. 1989.

Davies, P. E., "Primitive Christology in I Peter," trong Barth, E. H. & Cocraft, R. E. (eds), *Festschrift to Honor F.W. Gingrich*, Leiden 1972, 115-122.

Davis, Stephen T., *Risen Indeed*, SPCK London 1994.

De Jonge, M., *Jesus, the Servant-Messiah*, Hew Haven, Yale U. P. 1991.

De Jonge, Marinus, *God's Final Envoy. Early Christology and Jesus's Own View of His Mission*, Eerdmans 1998.

De la Potterie, I., *La vérité dans Saint Jean*, (2 vols.) Rome: Bibl. Inst. 1977.

De la Potterie, I., *La passion de Jésus selon l'évangile de Jean*, Cerf 1986.

De Martin de Viviés, P., *Jésus et le Fils de l'Homme*, Lyon, Profac 1995.

Deak, E., *Apokatastasis*, Toronto: Deak 1979.

Del Colle, R., *Christ and the Spirit: Spirit-Christology in Trinitarian Perspective*, New York: Oxford U.P. 1994.

Depoortere, Chr., *Qui es-tu, Jésus?*, Namur 1997.

Dini, Averardo, *Gesù nostro contemporaneo*, Brescia: Queriniana, 1997

Dodd, C. H., *The Founder of Christianity*, London: Collins 1971.

Downing, J., *Christ and the Cynics: Jesus and other Radical Preachers in First-Century Tradition*, Sheffield 1988.

Ducquoc, CH., *Christologie I*, Paris: Cerf 1968, II 1973.



Dumais, M., OMI, *Le Sermon sur la Montagne. État de la recherche, interprétation, bibliographie*, Paris, Letouzey et Ané 1995.

Dunn, J. D. G., *Christology in the Making*, Philadelphia: Westminster 1980. 2<sup>nd</sup> ed. Grand Rapids: Eerdmans 1996.

Dunn, James D.G., *The Christ and the Spirit. Collected essays*. Vol I: *Christology*, Vol. II: *Pneumatology*, Eerdmans 1998.

Dupuis, J., *Homme de Dieu, Dieu des hommes, Introduction à la christologie*, Paris: Cerf 1995.

Dupuis, J., *Jesus Christ at the Encounter of World Religions*, Maryknoll, N. Y. Orbis Books 1991.

Durrwell, Fr.-X., *Jésus Fils de Dieu dans l'Esprit Saint*, Paris: Desclée 1997.

Dury, J., *The Parables in the Gospels: History and Allegory*, London: SPCK 1985.

Echegaray, H., *The Practice of Jesus*, Maryknoll: Orbis 1984.

Evans, Craig A., *Life of Jesus Research: An Annotated Bibliography*, Leiden: Brill 1989.

Farina, M., & Mazzarello, M. L., *Gesù il Signore. La specificità di Gesù in un tempo di pluralismo religioso*, Roma, LAS 1992.

Farmer, W.R. (ed), *Crisis in Christology: essays in quest of resolution*, Livonia: Dove Booksellers 1995.

Fernández García, B., *Cristo de esperanza. La cristología escatológica de J. Moltmann*, Salamanca 1988.

Fitzmyer, J.A., *Scripture and Christology. Statement of the Biblical Commission with a Commentary*, New York: Paulist 1986.

Ford, David F., *Self and Salvation: Being Transformed*, Cambridge U.P. 1998.

Ford, J. M., *Redeemer: Friend and Mother*, Minneapolis: Fortress 1997.

Fox, M., *The Coming of the Cosmic Christ: The Healing of Mother Earth and the Birth of a Global Renaissance*, Melbourne: Collins-Dove 1989.

Fredriksen, P., *From Jesus to Christ: The Origins of the New Testament Images of Jesus*, New Haven, Yale Univ. Press 1988.

Fuellenbach, J., *The Kingdom of God. The message of Jesus today*, Maryknoll: Orbis 1995.

Gaillardetz, Richard R., *Teaching with Authority*, Michael Glazier 1997.

Galot, J., *Il cristiano e la gioia. Nota caratteristica della buona novella*, Roma 1986.

Gnilka, Joachim, *Jesus of Nazareth. Message and History*, Peabody: Hendrickson Publ. 1997.

Goergen, D. J. *A Theology of Jesus*, Vols. I, II. Wilmington: M. Glazier 1986.

Goergen, D. J. op, *Jesus: Son of God, Son of Mary, Immanuel*, M. Glazier.

Goergen, D. J. op, *The Jesus of Christian History*, Collegeville: Lit.Press 1992.

González Cardedal, O., *Jesús de Nazaret*, Madrid 1975.

González, C. Ign., *Cristología. Tu sei la nostra salvezza*. Casale Monferrato, ed. Piemme 1988.

Greco, C., (ed.), *Cristologia e antropologia*, Roma, ed. A.V.E. 1994.

Green, J. B. & Turner. M., *Jesus of Nazareth: Lord and Christ*, Grand Rapids: Eerdmans 1994.

Grillmeir, Aloys, SJ, *Christ in Christian Tradition*, Geoffrey Chapman, Vol I: From the Apostolic Age to Chalcedon, 1975, Vol 2/1: Reception and Contradiction: The Council of Chalcedon to the beginning of the reign of the Emperor Justinian I, (1987); Vol. 2/2: The Church of Constantinople in the Sixth Century. From the Council of Chalcedon (451) to Gregory the Great (590-604), (1995); Vol 2/4: The Church in Alexandria, with Nubia and Ethiopia after 451 AD (1995).

Guibert, P., *Il ressuscita le troisième jour*, Paris 1975.

Guillaume, Jean-Marie, *Jésus Christ en son temps. Dates, lieux, personnes, dans le Nouveau Testament*, Montréal – Paris, Les Editions Médiaspaul – Les Editions du Cerf [Coll.:Vivre la Parole] 1997.

Hahn, F., *The Titles of Jesus in Christology*, London: Lutterworth P. 1969 (German original 1963).

Haight, Roger, *Jesus, Symbol of God*, New York: Orbis Books 1999.

Hamilton, W., *A Quest for the post-Historical Jesus*, London: SCM 1993. „



Hanhart, Karel, *The Open Tomb. A New Approach, Mark's Passover Haggadah* ( $\pm 72$  C.E.), Michael Glazier 1998.

Hans Urs von Balthasar, *Mysterium Paschale: The Mystery of Easter*, trans. Aidan Nichols, T&T Clark 1999.

Hare, D. R. A., *The Son of man Tradition*, Minneapolis: Fortress 1990 [Matthew].

Harrington, Wilfrid J., OP, Luke: *Graceful Theologian. The Jesus of Luke*, The Columba Press 1997.

Helleman, W. E., (ed), *Hellenization Revisited: Shaping a Christian Response Within the Greco-Roman World*, London Univ.Press 1994.

Hengel, M., *The Atonement*, Philadelphia: Fortress 1981.

Heyer, Den C., *Jesus and the Doctrine of Atonement*, Trinity Press 1998.

Hopkins, Julie, *Towards a Feminist Christology*, SPCK London 1995.

Horbury, W., *Jewish Messianism and the Cult of Christ*, SCM Press 1998.

Horsley, R. & Hanson, J.S., *Bandits, Prophets and Messiahs: Popular Movements at the Time of Jesus*, Minneapolis: Winston Pr. 1985.

Horsley, R., *Jesus and the Spiral of Violence: Popular Jewish Resistance in Roman Palestine*, San Francisco: Harper & Row 1987.

Hultgren, A. J., *Christ and His Benefits*, Philadelphia: Fortress 1987.

Iammarrone, G., *La cristologia contemporanea*, Padova: Messaggero 1992.

Immoos, Th., "The Cosmic Christ" *The Japan Miss. Journ.* 50 (1996) 153-159.

Internat. Theol. Commissio, "Quaestiones selectae de Christologia," *Gregor.* 61 (1980) 609-632.

Internat. Theol. Commissio, "Theologia-Christologia-Anthropologia: Quaestiones selectae: Altera series," *Gregor.* 64 (1983) 5-24. ["The Consciousness of Christ concerning Himself and His mission," *Communio* 14 (1987) 316-325].

Isizoh, C. D., *The Resurrection of Jesus preached in Athens*, Cedee Publi., Lagos/Rome 1997.

Jaubert, A., *La date de la Cène*, Paris: Gabalda 1957.

Johnson, E. A., *Consider Jesus*, New York: Crossroad 1990.

Johnson, L. T., *The Real Jesus*, San Francisco: Harper 1995.

Jones, J. M., "Subverting the Textuality of Davidic Messianism: Matthew's Presentation of the Genealogy and Davidic Title," *Cath.Bibl.Quart.* 56 (1994) 256-272.

Jones, L. G., *Embodying Forgiveness*, Grand Rapids: Eerdmans 1995.

Jonsson, J., *Humour and Irony in the New Testament: Illuminated by Parallels in Talmud and Midrash*, Leiden 1985 (especially pg 166-199, about Jesus).

Joseph Francis, B., "Towards an Ecumenical Christology," *Indian Theol.Stud.* 37 (1998) 5-17.

Kakkanatt, A., *Christological catechesis of the Malankara liturgy*, Roma, U.P.S. 1996.

Kannengiesser, Ch., *La Verbe de Dieu selon Athanase d'Alexandrie*, Paris: Desclé 1990.

Karotemprel, S., "Asian christological trends and Christian mission," *Ind.Miss.Rev.* 19 (1997) 54-78.

Karris, R., *Jesus and the Marginalized in John's Gospel*, Collegeville: The Lit.Press 1990.

Karris, R. J. ofm, "Women and Discipleship in Luke," *Cath. Bibl.Quart.* 56 (1994) 1-20.

Karris, Robert J. 1996. *A Symphony of New Testament Hymns: Commentary on Philippians 2:5:11, Colossians 1:15-20, Ephesians 2:14-16, 1 Timothy 3:16, Titus 3:4-7, 1, Peter 3:18-22, and 2 Timothy 2:11-13.* Collegeville, MN: Liturgical Press. 1996.

Kasper, W., "Hope in the final coming of Jesus Christ in glory", *Communio* 12 (1985) 368-384.

Kasper, W., *Jesus the Christ*, London: Burns & Oates 1976.

Kee, H. C., *What can we know about Jesus?* Cambridge U.P: 1990.

Kereszty, R., "Psychological Subject and consciousness in Christ," *Communio* 11(1984) 258-277.

Kereszty, R. A., *Jesus Christ, Fundamentals of Christology*, NY Alba House 1991.

Kilgallen, J. J., "Jesus, Savior, the Glory of Your People Israel", *Biblica* 75(3,1994) 305-328.



Kilgallen, J. J., "The Conception of Jesus (Luke 1,35)", *Biblica* 78(2,1997) 225-246.

Kim, Seyoon, *The Son of Man as the Son of God*, Tübingen: Mohr 1983.

Kingbury, J. D., *Conflict in Mark: Jesus, Authorities, Disciples*, Minneapolis: Fortress 1989.

Kinukawa, H., *Women and Jesus in Mark*, Maryknoll: Orbis 1994.

Kirschsclaeger, R.&Stirmann, A., *Chalzedon und die Folgen*. Festschr. Zum 60 Geburtstag von Bischof Mesrob K. Krikorian, Innsbruck-Wien 1992.

Kissinger, W., *The Parables of Jesus: A History of Interpretation and Bibliography*, Metuchen: Scarecrow Press 1979.

Klassen, William, *Judas. Betrayer or Friend of Jesus?* Fortress 1996.

Koen, L., *The Saving Passion*, Uppsala 1991 (Xgy of Cyril Alex.).

Koperski, Veronica, *The Knowledge of Christ Jesus My Lord: The High Christology of Philipinas 3:7-11*, Kanpen: Kok Pharos 1996.

Krieg, R. A., *Story-Shaped Christology. The Role of Narratives in identifying Jesus Christ*, NY Paulist 1988.

Kuschel, K.-J., *Born before All Time? The Dispute over Christ's Origin*, London: SCM Press 1992.

Kysar, R., *John's Story of Jesus*, Philadelphia: Fortress 1984.

Lambrech, J., *The Sermon on the Mount*, Wilmington: M. Glazier 1985.

Lambrecht, J., "The groaning of creation: a study of Rom 8: 18-30," *Louvain Stud.* 15(1990) 3-18.

Lane, Dermot A., *Christ at the Center*, New York: Paulist Press 1991.

Lapide, Pinchas, *The Resurrection of Jesus. A Jewish Perspective*, Minneapolis: Augsburg 1983.

Latourelle, R., *Miracles de Jésus et théologie du miracle*, Montréal: Bellarmin 1986.

Lau, A. Y., *Manifest in flesh: the epiphany christology of the Pastoral Epistles*, Tübingen: Mohr 1996.

Legrand, L., "Good News of the Kingdom of God or Good News of Jesus Christ," *Studia Missionalia* 46 (1997) 211-226.

Léon-Dufour, X., *Les miracles de Jésus*, Paris 1977.

Létourneau, P., *Jésus, fils de l'homme et fils de Dieu: Jean 2,23'3,36 et la double christologie johannique*, Montréal: Bellarmin/ Paris: Cerf 1993.

Lindars, B., *Jesus, Son of Man*, London: SCPK 1983.

Illison, D., *The New Moses: A Matthean Typology*, Minneapolis: Fortress 1993.

Liderbach, D., *Christ in the Early Christian Hymns*, Paulist Press 1998.

Loader, W., *The Christology of the Fourth Gospel*, Frankfurt: Peter Lang 1989.

Loewe, W.P., *An Introduction to Christology*, Quezon City: Claretian 1997.

López Amat, A., *Gesù Cristo. Kenosi e gloria*, Roma, ed. Dehoniane 1994.

Luedemann, Gerd, *Heretics*, SCM Press 1996.

Luedemann, Gerd, *The Resurrection of Jesus. History, Experience, Theology*, Fortress 1995.

Maccoby, H., *Judas Iscariot and the Myth of Jewish Evil*, London: P.Halben 1992.

MacKelvey, R. J., "Christ the Cornerstone," *New Test. Stud.* 8 (1961/62) 352-359.

Macquarrie, J., *Christology revisited*, SCM Press 1998.

Macquarrie, J., *Jesus Christ in Modern Thought*, London: SCM 1990.

Maloney, F. J., *The Johannine Son of Man*, Rome: LAS 1978.

Maloney, F. J., *The Word Became Flesh: A Study of Jesus in the Fourth Gospel*, Dublin 1977.

Manns, Frédéric, *Gesù Figlio di Davide. Il vangelo nel suo contesto giudaico*, Milano, Ancora Editrice, 1998,

Marjanen, Antti. 1996. *The Woman Jesus Loved: Mary Magdalene in the Nag Hammadi Library and Related Documents*. Vol. 40, NHS and Manichaeic Studies.

Marjanen, Antti. *The Woman Jesus Loved: Mary Magdalene in the Nag Hammadi Library and Related Documents*. Vol. 40,



NHS and Manichaean Studies. Leiden/New York/Cologne: Brill 1996.

Marshall, Christopher D. *Faith as a Theme in Mark's Narrative*. Vol. 64, SNTS MS. Cambridge: University Press 1989.

Martin, R. P., *A Hymn of Christ. Philippians 2:5-11 in Recent Interpretation and in the Setting of Early Christian Worship*, InterVarsity Press 1999.

Martin, R. P., and Dodd, B. J. (eds), *Where Christology Began*, Essays on Philippians 2, Westminster: J.Knox Press 1998.

Martínez Fresneda, F., *La gracia y la conciencia de Jesucristo. Historia de la cuestión en Alejandro de Hales, Odón Rigaldo, Summa Hallensis y Buenaventura*, Murcia: Ed.Espigas 1997.

Martorell, J. op., *Jesús Mesías, I. La Palabra encadenada*, Valencia 1988 II., III.

Matera, F. L., *Passion Narratives and Gospel Theologies*, New York: Paulist 1986.

Maurice, E., *La Christologie de Karl Rahner*, Paris: Desclée 1995.

McCarthy, J., "Le Christ cosmique et l'âge de l'écologie. Une lecture de Col 1, 15-20" *NRT* 116 (1994) 27-47.

McIntyre, J., *The Shape of Soteriology: Studies on the Doctrine of the Death of Christ*, Edinburgh: T&T Clark 1992.

Meagher, P. M., "Jesus Christ in God's plan, interreligious dialogue, theology of religions and Paul of Tarsus," *Vidyajyoti* 61 (1997) 742-756.

Meeks, M. D., *God the Economist*, Minneapolis: Fortress 1989.

Meier John P., *A Marginal Jew: Rethinkink the Historical Jesus. I. Roots of the problem and the Person*, N.Y.: Doubleday 1991, II. *Mentor, Message, and Miracles*, 1994.

Memacherry, Ch., *Christ: the mystery in history. A critical study on the Christology of Raymond Panikkar*, Frankfurt: Peter Lang 1996.

Menken, M. J. J., "John 6,51c-58: Eucharist or Christology?", *Biblica* 74(1,1993) 1-26.

Mertens, H.-E., *Not the Cross but the Crucified: An Essay in Soteriology*, Louvain: Peeters 1992.

Messadié, G., *L'homme qui devint Dieu* (1988) y la crítica de Grelot, P., *Un Jésus de comédie*.

Meyer, B. F., *Christus Faber: The Master-Builder and the House of God*, Allison Park: Pickwick Publ 1992.

Meyer, Ch., *Religious Belief in a Scientific Age*, Chicago: Thomas More Press 1980.

Milano, A., *Persona in teologia*, Roma: Dehoniana 1996.

Moingt J., *L'homme qui venait de Dieu*, Paris: Cerf 1993.

Moioli, G., *Cristologia*, Milano 1978 (OldTest. in pp. 223-255).

Moltmann, J., *Jésus, le Messie de Dieu*, Cerf 1993.

Moore, A. L., *The Parousia in the New Testament*, Leiden: Brill 1966.

Morris, T. V., *The Logic of God Incarnate*, Ithaca, N.Y., Cornell Univ. 1986.

Most, W. G., *Consciousness of Christ*, Christendom Press 1980.

Moule, C. F. D., (ed) *The Significance of the Message of the Resurrection for Faith in Jesus Christ*, London: SCM Press 1970<sup>2</sup>.

Moule, C. F. D., *The Origin of Christology*, Cambridge: CUP 1977.

Mousson, J., "Genèse de la christologie dans le Nouveau Testament. De l'histoire de Jésus à la confession du Fils de Dieu," trong Dondeyne A., et al. (eds), *Jésus Christ, Fils de Dieu*, Bruxelles 1981, tt. 51-114.

Muller, G. M., *Nato dalla Vergine Maria*, Brescia, Mercelliana 1994 (Gernam orig.).

Murphy-O'Connor, J., "John the baptist and Jesus: History and Hypotheses," *New Test.Stud.* 36 (1990) 359-374.

Myers, Ched, *Binding the Strong Man: A Political Reading of Mark's Story of Jesus*, Maryknoll: Orbis 1988.

Neusner, J. & alii, *Judaism and Their Messiahs at the Turn of the Christian Era*, Cambridge Univ. 1987.

Neyrey, J., *An Ideology of Revolt: John's Christology in Social-Science Perspective*, Minneapolis: Fortress 1988.

Neyrey, J., sj, *Christ is Community. The Christologies of the New Testament*, Wilmington: M.Glazier 1985.

Nicolas, M. J., *Théologie de la Résurrection*, Paris 1982.



obile, M., *Premesse anticostamentariie giudaiche di cristologia*, Roma: Antonianum 1993.

Nieuviarts, Jacques, *L'entrée de Jésus à Jérusalem. (Mt 21, 1-17), Messianisme et accomplissement des Ecritures en Matthieu*, Paris: Cerf 1999.

Norris, R. A., *The Christological Controversies*, Philadelphia: Fortress 1980 Calcedon, calcedonia.

Ntima Nkanza, sj, "Non, je ne mourrai pas, je vivrai" *Méditations sur un cheminement christologique en Afrique*, Kinshasa, éd. Loyola, 1996.

O'Collins, G., and Kendall, D., sj. *The Bible for Theology. Ten Principles for the Theological Use of Scripture*, Paulist Press 1997.

O'Collins, G. M "Images of Jesus: reappropriating titular christology," *Theology Digest* 44 (1997) 303-318.

O'Collins, Gerald, sj, *Christology: A Biblical, Historical, and Systematic Study of Jesus*, Oxford: OUP 1995.

O'Collins, Gerald, sj and Daniel Kendall, sj, *Focus on Jesus*, Gracewing 1996.

O'Grady, J. F., "Jesus, the Revelation of God in the Fourth Gospel," *Bibl.Theol.Bull.* 25 (1995) 161-165.

O'Murchu, D., *Quantum Theology*, Crossroad 1997.

Oakman, D. E., *Jesus and the Economic Questions of His Day*, Lewiston: Ed.Mellem Pr. 1986.

Ohlig, K. H., (ed.), *Christologie*. I. Des origines à l'antiquité tardive, II. Du Moyen âge à l'époque contemporaine, Cerf 1996 (Texts).

Ols, D., *Le Cristologie contemporanee e le loro posizioni fondamentali al vaglio della dottrina di S. Tommaso*, Roma, Pont. Acad. Di S.Tom., 1991.

Orobator, E., "The quest for an African Christ: an essay on contemporary African Christology," *Hekima Review* (Nairobi 1994, N. 11) 75-99.

Ortlund, R. C., *Whoredom: God's unfaithful wife in biblical theology*, Grand Rapids: Eerdmans 1997.

Osborne, K., *The Resurrection of Jesus. New Considerations for its Theological Interpretation*, New York: Paulist 1997.

Osthathios, G., "Mission and the uniqueness of Jesus Christ," *Mission Stud.* 12 (1995) 79-94.

Padovese, L., *Lo scandalo della Croce. La polemica anticristiana nei primi secoli*, Roma, ed. Dehoniane 1988.

Palumbieri, S., *Vivere la gioia. Il dono del risorto*, Roma 1992.

Pánikkar, R., "The crux of Christian ecumenism: Can universality and chosenness be held simultaneously," *Journ. of E-cum. Stud.* 26 (1989) 82-99.

Pannenberg, W., *Jesus God and Man*, Westminster Press 1977.

Pannenberg, W., *Systematische Theologie*, II, Gotingen 1991.

Pelletier, M., *Les Phariséens. Histoire d'un parti mconnu*, Cerf 1990.

Penna, R., *I Ritratti originali di Gesù il Cristo*, I. Gli inizi, Torino, San Paolo 1996.

Percy, Martyn, *Religious Power*, Geoffrey Chapman 1997.

Perera, R., "The task of rewriting Christology," *Voices of the Third World* 20 (1997/1) 27-55.

Phan, Peter C., "Jesus the Christ with Asian face," *Theol. Stud.* 57 (1996) 399-430.

Phan, Peter C., "The Christ of Asia: an essay on Jesus as the eldest son and ancestor" *Studia Missionalia* 45 (1996) 25-55.

Phipps, W. E., *The Wisdom and Wit of Rabbi Jesus*, Louisville: Westminster 1993.

Pieris, Al., "Speaking of the Son of God in non-Christian cultures, e.g. in Asia," *Concilium* 153 (1982) 65-70.

Pikaza, X., *La figura de Jesús. Profeta, taumaturgo, rabino, mesías*, Estella 1992.

Plevnik, J., "Son of Man Seated at the Right Hand of God: Luke 22,69 in Lucan Christology", *Biblica* 72 (3,1991) 331-347.

Plevnik, J., *Paul and the Parousia: an exegetical and theological investigation*, Peabody: Hendrickson 1997.

Polkinghorne, John, *The Faith of a Physicist*, Fortress 1996.

Porro, C., *Dio nostra Salvezza*, Torino, Elle Di Ci 1994.

Porro, C., *Gesù il Salvatore*, Bologna, Dehoniana 1992.



Porter, S. E. et alii (eds), *Images of Christ. Ancient and Modern*, Sheffield 1998.

Potin, J., *Jésus, L'histoire vrai*, Paris: Centurion 1994.

Powell, M. A., "Matthew's Beatitudes: Reversals and Rewards of the Kingdom" *Cath.Bibl.Quart.* 58 (1996) 460-79.

Prior, M., *Jesus the Liberator, Nazareth Liberation Theology (Luke 4.16-30)*, Sheffield 1995.

Pverman, J. A., *Matthew's Gospel and Formative Judaism*, Minneapolis: Fortress 1990.

Quééré, Fr., *Jésus enfant*, Desclée 1992.

Quesnel, M., *Jésus-Christ*, Flammarion 1994 (Histoire).

Rahner, K. & Thusing, W., *A New Christology*, London: Burns & Oates 1980, "Jesus as the Believer" trg. 143-154.

Rahner, K., *Foundations of Christian Faith*, London: Darton, Lonman & Todd 1978.

Ravasi, G., *L'attesa del Salvatore nell'Antico Testamento*, Bologna: Dehoniane 1997.

Reid, B. E., *The Transfiguration: A Source and Redaction Critical Study of Luke 9:28-36*, Paris: Gabalda 1993.

Reid, Barbara E. *Choosing the Better Part? Women in the Gospel of Luke*. Collegeville, MN: Liturgical Press/ Michael Glazier 1996.

Reid, B. E., *Jesus, God's emptiness, God's fullness: The Christology of St. Paul*, New York: Paulist 1990.

Reiser, Marius, *Jesus and Judgment. The eschatological Proclamation in its Jewish context*, Fortress 1997.

Rey, B., op, *Nous prêchons un Messie crucifié*, Cerf 1989.

Ricci, Carla, *Mary Magdalene and Many Others: Women Who Followed Jesus*, Minneapolis: Fortress 1994.

Richard, E., "The Functional Christology of First Peter" trong Talbert C. (ed), *Pepectives on First Peter*, Macon 1986, 121-139.

Richard, L., *Christ, the Self-Emptying of God*, Mahwah: Paulist 1997.

Rileu, G. J., *Resurrection reconsidered: Thomas and John in Controversy*, Minneapolis: Fortress 1995.

Rousseau, John J. and Araw, Rami, *Jesus and his world*, Fortress Press, 1994.

Rousselot, P., "Les yeux de la foi," *Recherches de Sc. Relig.* 1 (1910) 241-159; 444-175.

Sabourin, L., *The Bible and Christ. The unity of the two testaments*, New York: Alba House 1980.

Sabugal, S., *Christos: Investigación exegética sobre la cristología joannea*, Barcelona: Herder 1972.

Saldarini, A. J., *Pharisees, Scribes and Sadducees in Palestinian Society*, Wilmington: M. Glazier 1988.

Samuel, V. & Sugden, C., *Sharing Jesus in the Two Thirds World*, Bangalore 1983.

Sanders, E. P., *Jesus and Judaism*, Philadelphia: Fortress 1985.

Sanders, E. P., *The Historical Figure of Jesus*, London: Penguin 1993.

Sanders, J. T., *The New Testament Christological Hymns: Their Historical Background*, Cambridge 1971.

Sarrasin, Cl., *Plein de grâce et de vérité. Théologie de l'âme du Christ selon saint Thoma d'Aquin*, Venasque, éd. Du Carmel 1992.

Sáyes, J. A., *Señor y Cristo*, Pamplona 1995.

Schaberg, Jane, *The Illegitimacy of Jesus. A Feminist Theological Interpretation of the Infancy Narratives*, San Francisco: Harper & Row 1987.

Scheffczyk, L., "Apocatastasis: Fascination and Paradox," *Communio* 12 (1985) 385-397.

Scheffczyk, L., "The meaning of the *Filioque*," *Communio* 13 (1986) 125-138.

Schillebeeckx, E., *Christ: The Christian Experience in the Modern World*, London: SCM 1980.

Schillebeeckx, E., *Jesus: An Experiment in Christology*, N.Y.: Seabury Press 1979.

Schillebeeckx, E., *L'histoire des hommes, récit de Dieu*, Cerf 1992.

Schlatter, A., *The History of the Christ. The Foundations of New Testament Theology*, Bakr Books House 1997.



Schlièr, H., *La résurrection de Jésus Christ*, Mulhouse 1969.

Schnackenburg, R., *Die Person Jesu Christi im Spiegel der vier Evangelien*, Freiburg, Herder 1993. (Schnackenburg, R., *Jesus in the Gospels: A Biblical Christology*, Louisville: Westminster 1995).

Schnackenburg, R., *La Résurrection, point de départ de la Christologie du N.T.*, I Myst.Salutis 10, 1974, 17-41.

Schnackenburg, R., *The Friend We Have in Jesus*, Westminster, J. Knox Press 1997.

Schoenborn, Ch., "Resurrection of the Flesh" in the Faith of the Church, *Communio* 17 (1990) 8-26.

Schussler Fiorenza, E., *In Memory of Her: A Feminist Theological Reconstruction of Christian Origins*, NY: Crossroad 1983.

Schussler Fiorenza, E., *Jesus. Miriam's Child, Sophia's Prophet: Critical Issues in Feminist Christology*, London: SCM 1994.

Schwager, Raymund, *Jesus of Nazareth. How He Understood His Life*. Crossroad 1997.

Schwarz, H., *Christology*, Grand Rapids: Eerdmans 1998.

Segundo, J. L., *Jesus of Nazareth: Yesterday and Today*, 5 vols. Maryknoll: Orbis 1984-88 (vol.2. *The Historical Jesus of the Synoptics*, London: Sheed&Ward 1985).

Senior, D., *The Passion of Jesus in the Gospel of John*, Collegeville: The Lit.Press 1991.

Senior, D., *The Passion of Jesus in the Gospel of Matthew*, Wilmington: M. Glazier 1985.

Sesboüé, B. & Wolinski, J., *Le Dieu du Salut (Histoire des Dogmes I)*, Desclée 1994.

Sesboüé, B., & Meunier B., *Dieu peut-il avoir un Fils? Le débat trinitaire du IV siècle*, Cerf 1993.

Sesboüé, B., *Jésus-Christ, l'unique médiateur. I. Problématique et relecture doctrinale*, Desclée 1988, II. *Les récits du salut: proposition de théologie narrative*, Desclée 1992.

Sesboüé, B., *Pédagogie du Christ*, Cerf 1994.

Sinclair, S. G., *Jesus Christ according to Paul*, CUP 1988.

Stanton, G. N., *Jesus of Nazareth in New Testament Preaching*, Cambridge Univ. Press 1975.

Stemberger, Gunter, *Jewish Contemporaries of Jesus: Pharisees, Sadducees, Essenes*, Minneapolis: Fortress 1995.

Strauss, M. L., *The Davidic Messiah in Lukes-Acts: The Promise and Its Fulfillment in Lukan Christology*, Sheffield 1995.

Strykowski, J. J., *The Descent of Christ Among the Dead*, Dissert. Gregor. Univ., Roma 1972.

Stuhlmacher, P., *Jesus of Nazareth, Christ of Faith*, Peabody: Hendrickson 1993.

Surch, R., *The Word and the Christ*, Oxford: Clarendon 1991.

Ternant, P., *Le Christ est mort "pour tous" Du serviteur Israel au serviteur Jésus*. Paris: Cerf 1993.

Thangaraj, M. T., *The Crucified Guru. An Experiment in Cross-Cultural Christology*, Nashville: Abingdon Press 1994.

Theisen, G. and Merz, A., *The Historical Jesus. A Textbook*, SCM Press 1997.

Thompson W. M., *Christology and Spirituality*, NY Crossroad 1991.

Thompson, W. M., *The Humanity of Jesus in the Fourth Gospel*, Minneapolis: Fortress 1988.

Thompson, W. M., *The Jesus Debate: A Survey and Synthesis*, Mahwah, N.J. Paulist 1985.

Thompson, William M., *The Struggle for Theology's Soul. Contesting Scripture in Christology*, NY Crossroad 1996.

Thumpeparambil, Th., *Towards an Eastern Christology. Byzantine Christological Tradition and John Meyendorff*, New Delhi 1996.

Thundy, Z. P., *Budha and Christ. Nativity Stories and Indian Tradition*, Leiden, Brill 1993.

Tilliette, X., *Le Christ des philosophes*, Namur 1993.

Tinder, G., *The Political Meaning of Christianity. The Prophetic Stance*, San Francisco: Harper 1991.

Toniolo, A., *La "Theologia Crucis" nel contesto della modernità. Il rapporto tra Croce e modernità nel pensiero di E. Jungel, H. U. von Balthasar e G. W. Hegel*, Roma, Seminario Lombardo 1995.

Twelftree, G. H., *Jesus the Exorcist. A Contribution to the Study of the Historical Jesus*, Tubingen: Mohr 1993.



Vermes, G., *The Religion of Jesus the Jew*, London: SCM 1993.

Wainwright, G., *For Our Salvation: Two Approaches to the work of Christ*, Grand Rapids: Eerdmans 1997.

Wallis, I. G., *The Faith of Jesus Christ in Early Christian Traditions*, Cambridge U.P. 1995.

Weatherly, J. A., *Jewish Responsibility for the Death of Jesus in Luke-Acts*, Sheffield 1998.

Webb, R. L., *John the Baptizer and Prophet: A Socio-Historical Study*, Sheffield 1991.

Wéber, Ed.-H. op, *Le Christ selon saint Thomas d'Aquin*, Desclée 1988.

Werbrick, J., *Soteriologia*, Brescia, Queriniana. 1993.

Wessels, A., *Imagini di Gesù nelle culture non europee*, Brescia, Queriniana 1992.

Williams, R., *Arius: Heresy & Tradition*, London: Darton, Longman and Todd 1987.

Willis, W. (ed), *The Kingdom of God in 20<sup>th</sup> Century Interpretation*, Peabody: Hendrickson 1987.

Wilson, A. N., *Jesus*, London: Sinclair-Stevenson 1992.

Wilson, Ian, *Jesus: The Evidence. The latest Research and Discoveries*, Harper Collins 1996.

Wink, W., *Unmasking the Powers: The Invisible Forces That Determine Human Existence*, Philadelphia: Fortress 1986.

Winter, Michael, *The Atonement*, Geoffrey Chapman 1994.

Witherington, B., *The Christology of Jesus*, Minneapolis: Fortress 1990.

Witherington, Ben, *Jesus the Sage. The Pilgrimage of Wisdom*, Fortress 1994.

Witherington, Ben, *Jesus the Sage: The Pilgrimage of Wisdom*, Minneapolis: Fortress 1994.

Witherington, Ben, *The Jesus Quest: The Third Search for the Jew of Nazareth*, InterVarsity 1995.

Worth, Charles (ed), *The Messiah. Developments in Earliest Judaism and Christianity*, Minneapolis, Fortress 1992.

Wright, N. T., *Jesus and the Victory of God*, Minneapolis: Fortress Press 1997 (SPCK London 1996).

Wright, T., *The Original Jesus Life and Vision. The Life and Vision of a Revolutionary*, Eerdmans 1997.

Young, B. H., *Jesus and His Jewish parables: Rediscovering the Roots of Jesus' Teaching*, Mahway: Paulist 1989.

Zimmerli, W. & Jeremias, J., "παῖς θεοῦ" in *Theol. Dict. New Test.* V, 1968, 654-717.

# TRONG SỐ NÀY

<b>Lời Nói Đầu</b> .....	<b>i</b>
<b>Kitô Học: hành trình trỗi trở</b>	
<i>Canxêđôn - Cônxtăntinốp</i> .....	<b>367</b>
<b>Đức Giêsu chịu chết</b>	
<i>Biến cố lịch sử - Ý nghĩa - Kenosis</i> .....	<b>408</b>
<b>Công trình Đức Giêsu</b>	
<i>Cứu độ học - Vai trò của Đức Kitô</i> .....	<b>472</b>
<b>Đấng Cứu Độ duy nhất</b>	
<i>Vấn đề – Quan điểm</i> .....	<b>565</b>
<b>Emmanuel</b>	
<i>Thể cách hiện diện</i> .....	<b>591</b>
<b>Thư mục</b> .....	<b>l</b>

29&30, Năm XI (2001)

---

Với phép Bề Trên có thẩm quyền